TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2021
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đại
Bà Phan Phương Huệ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Tuyết Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1991.
Địa chỉ: Tổ 4A, khu HT, phường DL, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh **Bùi Thái D** – sinh năm 1992.
Địa chỉ: Khu C1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
(Chị H có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Bùi Thái D tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/12/20211 tại UBND xã Quế Lâm cũ nay là UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị ở chung với gia đình chồng khoảng 02 năm thì ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến cho gia đình không hạnh phúc. Chị và anh D cũng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay xác định không còn tình cảm, chị xin được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Bùi Huy T – sinh ngày 16/7/2009 và Bùi Thành C – sinh ngày 27/10/2015. Hiện nay cháu C đang ở cùng chị, còn cháu T đang ở cùng anh D và gia đình anh D. Sau khi ly hôn chị

xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Chị không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, C sức đóng góp: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết, anh D không có mặt nhưng Tòa án đã tống đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh D theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Thái D.

- Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Thành C – sinh ngày 27/10/2015. Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Huy T – sinh ngày 16/7/2009.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu. Anh D vắng mặt nên không đặt ra giải quyết.

-Về tài sản chung, vay nợ chung, C sức đóng góp: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là Bị đơn: Anh Bùi Thái D, Địa chỉ: Khu C1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Bùi Thái D hiện đăng ký hộ khẩu tại tại Khu C1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Qúa trình giải quyết, anh D không có mặt nhưng Tòa án đã tống đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh D theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Thái D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q cũ, nay là UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và qua lời trình bày của ông Bùi Văn Tr (bố đẻ của anh D) cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn nữa. Việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là là Bùi Thành C – sinh ngày 27/10/2015 và Bùi Huy T – sinh ngày 16/7/2009. Hiện nay cháu C đang ở cùng chị H, còn cháu T đang ở cùng anh D và gia đình anh D. Nguyện vọng sau khi ly hôn chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Đại diện gia đình anh D là ông Bùi Văn Tr (bố đẻ của anh D) đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình sẽ hỗ trợ về mọi mặt để anh D nuôi con. Xét thấy các con chung của anh chị đều đang có cuộc sống ổn định. Cần giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu. Do anh D vắng mặt nên việc cấp dưỡng sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi anh D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung,C sức đóng góp: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Thái D.

2- Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Thành C – sinh ngày 27/10/2015. Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Huy T – sinh ngày 16/7/2009.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu. Anh D vắng mặt nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung, đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0002071 ngày 09/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Tuấn